

LỊCH THI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026 (ĐỢT 1)
CÁC LỚP ĐH K17

TT	Mã HP	Học phần	Số TC	Hình thức thi	Lớp học phần	Sĩ số	Phòng thi	Ngày thi	Ca thi	Ghi chú
1	KTQR0712L	Kế toán quản trị	2	Vấn đáp	Kế toán quản trị-1-25 (ĐH17.01)-1-2.18	25	A3 - 401	24/09/2025	Ca 1,2	
2	PLKT0213L	Pháp luật kinh tế	3	Vấn đáp	Pháp luật kinh tế-1-25 (ĐH17.01)-1-3.18	31	A3 - 401	22/09/2025	Ca 1,2	
3	LPDA0712L	Lập và phân tích dự án đầu tư	2	Vấn đáp	Lập và phân tích dự án đầu tư-1-25 (ĐH17.01)-1-2.18	24	A3 - 401	26/09/2025	Ca 1,2	
4	QLDA0712L	Quản lý dự án	2	Vấn đáp	Quản lý dự án-1-25 (ĐH17.01)-1-1.20	5	A3 - 402	26/09/2025	Ca 1,2	
5	VTMT0412L	Vẽ và thiết kế trên máy tính-	2	Vấn đáp	Vẽ và thiết kế trên máy tính-1-25 (ĐH17.02)-1-3.14	30	A5- 301	22/09/2025	Ca 1,2	
6	CNCM0412L	Công nghệ CAD/CAM	2	Vấn đáp	Công nghệ CAD/CAM-1-25 (ĐH17.01)-1-1.15	5	A3 - 404	24/09/2025	Ca 1,2	
7	DTBD0612L	Đo lường điện và thiết bị đo	2	Vấn đáp	Đo lường điện và thiết bị đo-1-25 (ĐH17.01)-1-1.15	5	A3 - 404	26/09/2025	Ca 1,2	
8	KTMP0412L	Ứng dụng kỹ thuật mô phỏng trong tính toán kết cấu hàn	2	Vấn đáp	Ứng dụng kỹ thuật mô phỏng trong tính toán kết cấu hàn-1-25 (ĐH17.01)-1-1.16	8	A1 - 403	22/09/2025	Ca 1,2	
9	DBCL0412L	Đảm bảo chất lượng hàn	2	Vấn đáp	Đảm bảo chất lượng hàn-1-25 (ĐH17.01)-1-1.16	8	A1 - 403	24/09/2025	Ca 1,2	
10	UCAE0412L	Ứng dụng CAE trong thiết kế	2	Vấn đáp	Ứng dụng CAE trong thiết kế-1-25 (ĐH17.01)-1-2.16	9	A1 - 403	26/09/2025	Ca 1,2	
11	GCAL0412L	Công nghệ gia công áp lực	2	Vấn đáp	Công nghệ gia công áp lực-1-25 (ĐH17.01)-1-2.16	10	A1 - 403	30/09/2025	Ca 1,2	
12	VTMT0412L	Vẽ và thiết kế trên máy tính	2	Vấn đáp	Vẽ và thiết kế trên máy tính-1-25 (ĐH17.01)-1-3.13	43	A5 - 101	22/09/2025	Ca 1,2	
13	TKNG0412L	Công nghệ thiết kế ngược	2	Vấn đáp	Công nghệ thiết kế ngược-1-25 (ĐH17.01)-1-2.13	12	A6 - 401	24/09/2025	Ca 1,2	

TT	Mã HP	Học phần	Số TC	Hình thức thi	Lớp học phần	Sĩ số	Phòng thi	Ngày thi	Ca thi	Ghi chú
14	NRNT0513L	Mạng Noron nhân tạo	3	Vấn đáp	Mạng Noron nhân tạo-1-25 (ĐH17.01)-1-1.08	2	A5 -202	26/09/2025	Ca 1,2	
15	LTAD0513L	Lập trình Android	2	Vấn đáp	Lập trình Android-1-25 (ĐH17.01)-1-1.08	2	A5 -201	22/09/2025	Ca 1,2	
16	PTUD0513L	Phát triển ứng dụng trên thiết bị di động	3	Vấn đáp	Phát triển ứng dụng trên thiết bị di động-1-25 (ĐH17.01)-1-1.07	31	A5 -201	26/09/2025	Ca 1,2	
17	LTWS0513L	Lập trình Web	3	Vấn đáp	Lập trình Web-1-25 (ĐH17.01)-1-1.07	31	A5 -201	22/09/2025	Ca 1,2	
18	KTLU0612L	Kỹ thuật lạnh ứng dụng	2	Vấn đáp	Kỹ thuật lạnh ứng dụng-1-25 (ĐH17.01)-1-1.09	48	A6-203	22/09/2025	Ca 1,2	
19	CĐCN0613L	Chuyên đề công nghệ điện, điện tử	3	Vấn đáp	Chuyên đề công nghệ điện, điện tử-1-25 (ĐH17.01)-1-1.09	24	A6-203	25/09/2025	Ca 1,2	
20	ANAT0612L	Hệ thống kiểm soát an ninh, an toàn	2	Vấn đáp	Hệ thống kiểm soát an ninh, an toàn-1-25 (ĐH17.01)-1-1.09	25	A6-203	29/09/2025	Ca 1,2	
21	TKHT0613L	Thiết kế hệ thống điện phân xưởng	3	Vấn đáp	Thiết kế hệ thống điện phân xưởng-1-25 (ĐH17.01)-1-1.10	25	A5 -205	30/09/2025	Ca 1,2	
22	NTBA0612L	Phần điện trong nhà máy điện và trạm biến áp	2	Vấn đáp	Phần điện trong nhà máy điện và trạm biến áp-1-25 (ĐH17.01)-1-1.10	24	A5 -205	25/09/2025	Ca 1,2	
23	YTCS0612L	Truyền chất và cơ sở kỹ thuật sấy	2	Vấn đáp	Truyền chất và cơ sở kỹ thuật sấy-1-25 (ĐH17.01)-1-1.11	3	A5 -405	22/09/2025	Ca 1,2	
24	KTLU0612L	Kỹ thuật lạnh ứng dụng	2	Vấn đáp	Kỹ thuật lạnh ứng dụng-1-25 (ĐH17.02)-1-1.11	51	A5 -405	25/09/2025	Ca 1,2	
25	YHTD0612L	Hệ thống điện công trình	2	Vấn đáp	Hệ thống điện công trình-1-25 (ĐH17.01)-1-1.11	3	A5 -405	29/09/2025	Ca 1,2	
26	MTTC0612L	Mạng truyền thông công nghiệp	2	Vấn đáp	Mạng truyền thông công nghiệp-1-25 (ĐH17.01)-1-1.12	48	A6 - 303	23/09/2025	Ca 1,2	
27	TDQT0612L	Tự động hóa quá trình công nghệ	2	Vấn đáp	Tự động hóa quá trình công nghệ-1-25 (ĐH17.01)-1-1.12	48	A6 - 303	01/10/2025	Ca 1,2	
28	CADM0412L	Công nghệ CAD/CAM	2	Vấn đáp	Công nghệ CAD/CAM-1-25 (ĐH17.01)-1-1.13	11	A6 - 401	27/09/2024	Ca 1,2	

dv

TT	Mã HP	Học phần	Số TC	Hình thức thi	Lớp học phần	Sỹ số	Phòng thi	Ngày thi	Ca thi	Ghi chú
29	XLBM0412L	Các phương pháp xử lý bề mặt	2	Vấn đáp	Các phương pháp xử lý bề mặt-1-25 (ĐH17.01)-1-1.13	11	A6 - 401	01/10/2025	Ca 1,2	
30	HTXE0412L	Hệ thống điện thân xe	2	Vấn đáp	Hệ thống điện thân xe-1-25 (ĐH17.01)-1-1.14	56	A6 - 403	25/09/2024	Ca 1,2	
31	CNSC0412L	Công nghệ sửa chữa ô tô	2	Vấn đáp	Công nghệ sửa chữa ô tô-1-25 (ĐH17.01)-1-1.14	56	A6 - 403	30/09/2025	Ca 1,2	

Ghi chú: - Thời gian thi. Ca 1: 07h30' - 9h00' Ca 2: 09h30' - 11h00' Ca 3: 13h30' - 15h00' Ca 4: 15h30' - 17h00';

- Các khoa, bộ môn gửi bảng phân công cán bộ coi thi, chấm thi về Phòng Đào tạo, KHHTQT & ĐBCL trước khi thực hiện;

Nơi nhận:

- Các khoa;
- Phòng khoa học HTQT & ĐBCL; QT-TB;
- Trung tâm TH;
- Website Nhà trường;
- Lưu Đào tạo;

Ninh Bình, ngày 16 tháng 09 năm 2025

PHÒNG ĐÀO TẠO


